

## LỤC TẶC VÀ LỤC THÔNG

Đề tài chúng tôi sẽ trình bày cho quý Tăng Ni và Phật tử hôm nay là lục tặc và lục thông. Thường người thế gian có điều gì giận dữ hay nói "nổi tam bành lục tặc". Vậy lục tặc là gì? Chữ tặc là kẻ cướp, kẻ giặc. Trong kinh Phật luôn luôn dạy, mỗi chúng ta có đủ sáu căn là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Sáu căn đó nếu mê lầm bị sáu trần lôi cuốn thì sáu căn biến thành lục tặc. Còn nếu chúng ta khéo tu, khéo gỡ, không cho dính nhiễm sáu trần thì sáu căn liền thành lục thông.

Như vậy thì mắt, tai, mũi, lưỡi... của chúng ta là lục tặc mà cũng là lục thông. Chỉ khác một bên không biết tu để cho dính nhiễm, còn một bên biết tu gỡ bỏ không cho dính nhiễm. Như mắt chúng ta thấy vật gì đẹp liền trầm trở khen ngợi rồi sanh tâm ưa thích. Đó gọi là dính, là nhiễm. Như vậy con mắt là một đũa giặc. Vì dính nhiễm với sắc trần cho nên nó phá hoại công đức lành của mình, do đó gọi nó là giặc, là kẻ cướp. Các vị nào tu mà thấy người đẹp, đồ vật đẹp, hoa đẹp liền chú ý, khen ngợi, chính là bị một đũa giặc dẫn đi rồi.

Kể đến lỗ tai nghe lời khen, tiếng chê. Nghe lời khen trong lòng chúng ta vui mừng, bị chê chúng ta phiền não, đó là đũa giặc thứ hai. Bởi vì vui mừng là hiếu danh, phiền não là bệnh hoạn nên nó cướp mất công đức lành của chúng ta.

Lỗ mũi cũng vậy. Khi ta đi qua những chỗ có hoa thơm, có mùi ngọt ngào thì ưa thích, còn qua những chỗ có mùi hôi thối thì không ưa. Như vậy lỗ mũi đã phá hoại công đức của chúng ta. Đó là đũa giặc thứ ba.

Đến lưỡi của chúng ta. Khi món ngon chúng ta thấy thích, ăn món dở chúng ta bực bội. Thích món ngon mà không được ăn, ghét món dở mà bị ăn hoài đâm ra bực bội. Vậy cái lưỡi thích ngon, chán dở đó là đũa giặc thứ tư.

Thứ năm là xúc chạm. Xúc chạm những gì êm ái ta có cảm giác thích thú, xúc chạm những gì thô nhám khó chịu thì chúng ta ghét. Những xúc chạm đó làm chúng ta đắm mê, say mê hoặc làm chúng ta khó chịu chán ghét, nên nó là đũa giặc thứ năm.

Đũa thứ sáu là ý. Ý chúng ta tiếp xúc với pháp trần, trần này hơi thâm kín một chút. Khi chúng ta nhớ hình ảnh người phá hoại mình thì bực bội, nhớ hình ảnh người thương mến mình liền dễ chịu. Đó là đũa giặc thứ sáu.

Chúng ta hãy thật thà xem xét có phải sáu căn là sáu đũa giặc không? Nếu phải thì chúng ta còn công đức hay mất công đức? Nuôi sáu đũa giặc phá phách này thì công đức chúng ta tiêu tan hết. Như vậy chúng ta tu là phải làm sao đừng để sáu

căn dính nhiễm với sáu trần. Đó là đuổi được sáu đũa giặc hay còn gọi là lục tặc, nếu không bọn chúng sẽ làm hư hoại các công đức của chúng ta. Mỗi vị hãy tự kiểm lại mình để cố gắng khéo tu.

Tôi dẫn một hình ảnh mà mọi người đều dễ thấy, dễ nhớ. Khi vào chùa chúng ta thường thấy thờ một vị Bồ-tát hình tướng mập mạp, miệng cười toe toét. Đó là Bồ-tát Di Lặc. Có tượng Bồ-tát ngồi với sáu đũa trẻ, đũa móc con mắt, đũa chọc lỗ tai, đũa khều lỗ mũi, đũa thọt vào miệng v... Sáu đũa chọc phá như vậy nhưng Bồ-tát vẫn cười, không bực bội, không rầy rà gì hết. Sáu đũa trẻ đó tượng trưng cho lục tặc. Mặc dù chúng nó chọc phá nhưng Ngài vẫn thanh thản tự tại. Sáu đũa giặc tức là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, dù bị quấy nhiễu nhưng Bồ-tát vẫn tươi cười, chúng tỏ Ngài đã thắng được lục tặc. Chiêm ngưỡng hình tượng Ngài chúng ta phải học theo gương của Ngài. Một vị Bồ-tát lúc nào cũng thông dong tự tại, không buồn phiền, bực bội. Như vậy lục tặc đối với Ngài đã thành lục thông rồi.

Chúng ta tu phải làm sao chuyển lục tặc thành lục thông mới là người thắng trận. Còn nếu bị lục tặc nhiễu loạn thì thành người thua trận. Trong kinh A Hàm chư Phật có kể câu chuyện một đàn khỉ đi ăn. Khi chúa ra lệnh tất cả khỉ con phải đi chung đàn, theo sau khỉ chúa không được đi tản mát. Trong đó có một khỉ con thấy khỉ chúa đi trước, gặp thức ăn ngon khỉ chúa lượm ăn hết, nên nó tách đàn đi riêng lẻ để kiếm ăn. Khi thấy miếng mồi thơm ngon nó liền dùng chân trước chụp lấy, không ngờ đây là bẫy của thợ săn đã gài chất nhựa xung quanh nên nó bị dính tay. Dính tay này nó lấy tay kia gỡ nên cũng dính luôn. Kế lấy chân sau gỡ cũng bị dính, còn lại một chân cổ bươi cũng dính. Như vậy dính hết bốn chân nó dùng cái đuôi ngoe ngoe móc cũng bị dính. Sau cùng nó lấy cái miệng quặp gỡ nên bị dính luôn. Bốn chân, đuôi, miệng, cả sáu thứ bị dính, hết cục cựa. Chú thợ săn đến lượm bỏ vô giỏ quay về.

Phật mượn ví dụ này để nói chư Tăng, chư Ni tu hành nương các bậc đạo đức. Nhưng khi thấy Phật tử cúng dường các Hòa thượng, không cúng cho mình thì cảm thấy buồn vì nghèo thiếu, nên muốn ra riêng để được người ta quý trọng hơn. Cũng như chú khỉ con còn trong đàn, thấy khỉ chúa hưởng hết những thức ăn ngon nên bất bình mới bỏ đàn. Vì thiếu kinh nghiệm không biết đâu là mồi người ta bẫy, đâu là thật nên gặp gì lượm nấy mới dính tay chân cho đến sáu căn, không còn dẫy dựa được nữa. Vì vậy bị thợ săn lượm bỏ vô giỏ.

Đức Phật dụ miếng mồi là sáu trần. Một tay bị dính rồi thì cả sáu bộ phận bị dính hết. Bẫy nhựa của thợ săn dụ cho sáu căn dính với sáu trần. Khi sáu căn dính với sáu trần rồi thì thợ săn (dụ cho Ma vương) xách đi đâu cũng phải chịu. Chúng ta tu

nếu khôn ngoan thì như con khỉ đi theo đàn, có người bảo hộ. Khỉ con không dính bẫy nên được tự do dù ăn ít một chút cũng không sao. Còn muốn ăn ngon, đi riêng lạc đàn thì bị mắc bẫy rất là tai hại.

Như vậy sáu căn dính với sáu trần tức chúng ta bị Ma vương dẫn đi. Nó biểu chúng ta làm gì chúng ta đều phải nghe theo, không chạy đâu được hết. Chư Tăng Ni tu bao nhiêu năm gỡ được mấy trần, còn lại mấy trần? Nếu dính hết thì thôi coi như đầu hàng Ma vương, còn nếu dính một hai căn thì còn đẩy dựa được, Ma vương chưa dám nắm cổ lôi đi. Hiểu như vậy chúng ta mới thấy sự tu quan trọng. Hằng ngày mắt đối sắc, tai đối thanh, mũi đối hương, miệng đối vị, thân đối xúc, ý đối pháp trần không bị dính kẹt, đó là chúng ta giải thoát. Nếu còn dính kẹt thì chúng ta bị Ma vương dẫn đi trầm luân trong lục đạo luân hồi. Như vậy giải thoát là không dính mắc, còn dính mắc là không giải thoát.

Như chúng tôi vừa kể, hình ảnh con khỉ bị dính nhựa nên mất tự do. Nếu không dính thì được tự do, đó là lục thông. Ngược lại còn dính mắc là lục tặc. Tăng Ni tu đừng để cho căn dính với sáu trần thì chúng ta được tự tại giải thoát. Còn bị dính nhiễm thì mất hết tự do, đó là gốc của sự tu.

Tôi xin dẫn thêm chuyện của Lục tổ Huệ Năng với Ngũ tổ Hoàng Nhẫn, Ngũ tổ đem kinh Kim Cang ra giảng cho Ngài nghe. Kinh Kim Cang có hai câu hỏi của tôn giả Tu Bồ Đề. Câu thứ nhất: "Người phát tâm cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, làm thế nào để hàng phục được tâm ấy? ". Câu hỏi thứ hai: "Người phát tâm cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, làm thế nào để an trụ được tâm ấy? ". Phần an trụ tâm, Lục tổ nghe giảng tới câu "Bất ưng trụ sắc sanh tâm, bất ưng trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm. Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm", Ngài liền đại ngộ và thốt to lên: "Đầu ngón tánh mình xưa nay thanh tịnh, đầu ngón tánh mình vốn không sanh diệt v. v...". Ngũ tổ biết Ngài đã ngộ nên truyền y bát và Ngài trở thành vị Tổ thứ sáu.

Như vậy Phật dạy muốn tâm yên ổn, an trụ thì không nên sanh tâm dính kẹt nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Sáu căn không bị dính kẹt sáu trần là an trụ tâm. Có nhiều vị tu hoặc ngồi niệm Phật hoặc tọa thiền nhưng tâm cứ chạy hoài. Chạy theo sáu trần, nhớ người này, nhớ việc kia v. v... nên tâm bị rối loạn. Nếu biết giữ tâm không cho dính với sáu trần thì tâm an trụ. Mà tâm an trụ thì tiến đến quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không khó. Do đó chúng ta mới thấy ý nghĩa của kinh Kim Cang đã khai ngộ cho Lục tổ là vậy.

Kể đây, tôi dẫn kinh Lăng Nghiêm. Tôn giả A Nan hỏi Phật:

- Bạch Thế Tôn, cái gì là căn bản của luân hồi sanh tử, cái gì là căn bản của Bồ-đề Niết-bàn?

Khi Ngài hỏi câu này đức Phật Thích Ca chưa trả lời thì mười phương chư Phật ứng thính đồng nói rằng:

- Nay A Nan, cội gốc của căn bản phiền não, luân hồi sanh tử là sáu căn của ông. Cội gốc của Bồ-đề Niết-bàn cũng là sáu căn của ông.

Rõ ràng không riêng gì đức Phật Thích Ca nói sáu căn là gốc sanh tử, sáu căn là gốc Bồ-đề Niết-bàn, mà mười phương chư Phật đều "Dị khẩu đồng âm" (khác miệng đồng lời) phát ra lời như thế.

Do đó chúng ta tu phải làm sao để chính mình dứt hết luân hồi sanh tử, để đạt được Bồ-đề Niết-bàn. Đó là gốc của sự tu. Còn nếu chúng ta vẫn bị phiền não kéo lôi, vẫn đi trong luân hồi sinh tử thì sự tu đó không có công hiệu. Như vậy là uổng cơm của đàn na thí chủ. Muốn cho có công hiệu, không uổng cơm của đàn na tín thí thì phải biết rõ sáu căn là cội gốc của sanh tử, đừng để cho nó dính, đừng để cho nó nhiễm. Có thể chúng ta mới đúng là người tu cầu giải thoát sanh tử.

Sáu căn từ đâu mà ra? Nó sẵn nơi chúng ta, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý ở ngay thân mình chớ có xa đâu. Chỉ cần đừng để dính nhiễm là đã khéo tu. Chớ nếu chúng ta ăn chay khắc khổ, tụng kinh rất nhiều mà ai động tới liền nổi sân, cái gì đẹp thì ưa thích, tu như vậy có kết quả không? Mắt thấy sắc đẹp lòng mê thích, tai nghe tiếng chê trong bụng bực bội, như vậy là chưa gỡ được các căn dính với các trần. Chưa gỡ được thì làm sao chúng ta giải thoát sanh tử, cho nên trên đường tu chúng ta phải cố gắng nỗ lực, làm sao gặp cảnh vui, cảnh buồn v. v... chúng ta vẫn tự tại. Đó là giải thoát thật sự. Nếu chỉ có hình thức, không giữ được sáu căn của mình thì khó giải thoát. Ý nghĩa Phật dạy hết sức rõ ràng.

Trong nhà Thiền có câu chuyện này. Ngài Ngưỡng Sơn Huệ Tịch thuộc hệ Quy Ngưỡng. Lúc còn đi tham vấn, Ngài đến hỏi Thiền sư Trung Ấp - Hồng Ân:

- Bạch Hòa thượng, thế nào là Phật tánh?

Ngài Trung Ấp nói:

- Như có một con khỉ bị nhốt trong chuồng có sáu cửa. Bên ngoài có con khỉ tới cửa sổ một kêu chéo chéo. Rồi đến cửa thứ hai kêu chéo chéo, con khỉ bên trong cũng đứng dậy kêu chéo chéo, cứ như vậy tiếp tục hết sáu cửa.

Khi ấy ngài Ngưỡng Sơn thưa rằng:

- Nếu con khi bên trong nó ngủ thì sao?

Ngài Trung Ấp từ trên tòa bước xuống nắm đứng nói:

- Chúng ta thấy nhau rồi.

Qua câu chuyện, chúng ta thấy cái gì? Thường người ta cứ tưởng rằng Phật tánh ở đâu xa, khó tìm, khó biết. Nhưng Thiên sư nói con khi nhốt trong lồng nghe con khi bên ngoài kêu liền đáp lại. Như vậy Ngài ví con khi bên ngoài là trần, con khi bên trong là căn. Bên ngoài có sắc trần thì nhãn căn dính, bên ngoài có thanh trần thì nhĩ căn dính, nghĩa là sáu căn, đưng tới căn nào thì căn đó dính liền. Nhưng khi ở trong đã yên lặng thì bên ngoài tới kêu chọc nó vẫn im lìm, lúc đó Phật tánh hiện tiền chớ không có gì khác. Vì vậy nên nói khi con khi bên trong ngủ yên thì bên ngoài dù có kêu mấy nó cũng không chựa quậy, vì nó không có tiếp xúc nữa. Cũng vậy khi nội tâm của chúng ta yên lặng sáng suốt thì Phật tánh hiện tiền, không tìm kiếm ở đâu xa. Chúng ta tu vì muốn thành Phật, tức là giác ngộ. Mà giác ngộ ngay nội tâm mình, nếu chúng ta hằng tri hằng giác không chạy theo sáu trần thì đó là Phật tánh hiển lộ rồi.

Tu như vậy khó hay dễ? Có xa xôi gì đâu. Hiểu được ý nghĩa này chúng ta mới thấy chuyện tu hành không phải chuyện xa vời mà rất gần, ở ngay trước mắt chúng ta, ngay bản thân chúng ta. Tuy nhiên lời Phật, Tổ dạy, nghe rất gần nhưng đưng sự thật thì chúng ta quên mất tiêu. Chỉ như lỗ tai, khi chúng ta đang bình tĩnh đang an ổn, nếu có người đến chỉ mặt nói rằng anh hay chị ngu như con bò. Lúc đó chúng ta thế nào? Cười hay muốn tát tai người ta? Nghe nói ngu như con bò liền nổi tức lên, mà nổi tức thì muốn cự lộn. Như vậy lỗ tai chúng ta có dính nhựa phiền não chưa? Nếu dính rồi thì Ma vương chuẩn bị dẫn chúng ta đi thôi. Lỗ tai dính rồi thì các căn khác cũng dính theo, như mắt đỏ, tay muốn chựa quậy, các cơ quan đều muốn hoạt động theo cả. Vì vậy chúng ta phải dè dặt khéo tu.

Giả sử có người nói chị là con bò, điều đó có nhục không? Tôi thấy đâu có gì nhục. Nếu ai nói tôi là con bò, tôi cười thưa phải, vì tôi có uống sữa bò. Quý vị có uống sữa bò không? Thưa có! Có thì người ta nói mình là con bò cũng phải quá, có gì đâu lỗi lầm. Có gì đâu để giận. Chuyện đó rất bình thường. Thân của chúng ta được kết hợp bởi rất nhiều thành phần. Mỗi một thứ vật chất đều giúp cho mình sống còn. Nhờ thế, tế bào chúng ta tăng trưởng. Như vậy chúng ta sống được là có phần con bò trong đó nữa chớ. Người ta nói mình con bò là phải quá rồi. Cớ sao lại giận? Nhưng ở đời có ai lại chịu như vậy đâu. Nghe nói con bò thì nổi giận, la hét rồi đưa tới đánh đập nhau. Chúng ta bị đau khổ là vì chúng ta không nhận ra lẽ thật ở con

người. Như vậy không biết chừng nào hết bị dính mắc, mới giải thoát sanh tử.

Thêm một điều nữa, lâu nay Phật tử chúng ta cứ nghĩ rằng mình có cái gì buồn, cái gì giận, khi giận nói tôi giận người đó quá, khi buồn nói tôi buồn người đó quá. Như vậy quý vị cho rằng cái giận, cái buồn là tôi, là mình. Nếu giận là mình thì khi hết giận mình mất luôn phải không? Nếu hết giận chúng ta vẫn còn nguyên thì làm sao nói giận là mình được. Như vậy, giận không phải thật mình, buồn không phải thực mình. Đó chỉ là một phần nhỏ trong tâm ta thôi. Nó sinh rồi nó diệt mà chúng ta lại đồng hóa nó với mình. Từ cái mê lầm này nên chịu khổ, cứ nghĩ mình thế này, mình thế kia. Sự thật giận không phải là mình, đó chỉ là phản ứng của tâm sân mà thôi. Còn cái ta chân thật thì lúc nào cũng trùm khắp, không phải cái sân đó đâu. Nếu nói sân là mình thì phải bảo vệ cái sân, nên khi giận ai dù có người khuyên: "Huynh tu hành rồi mà giận làm chi" thì cũng bảo vệ cái giận của mình: "Tại vì người đó làm dễ giận quá nên tôi mới giận". Bởi nghĩ thế nên cho cái giận của mình có lý, chấp và giữ cái giận của mình là đúng. Buồn, thương, hờn, ghét cũng như thế.

Chúng ta suy nghĩ xem, nếu giận là mình thì buồn không phải mình, thương không phải mình, ghét không phải mình. Nhưng buồn, thương, giận, ghét, cái nào chúng ta cũng cho là mình cả. Như vậy có mấy chục cái mình, đó là điều sai lầm. Nên biết buồn, thương, giận, ghét là những tâm sở tạm thời dấy động rồi mất. Biết rõ như vậy mới có thể hàng phục nó, thắng nó. Còn cho nó là mình thì thôi hết hàng phục, bởi vì nó chính là mình thì hàng phục cái gì. Đó là nói về nội tâm.

Đến phần thân, khi chúng ta bị đau chỗ nào thì nói tôi đau quá. Nói như vậy là cho đau đó là tôi, nhưng khi hết đau thì tôi làm sao? Nên biết cái đau chỉ là đau ở một bộ phận trong cơ thể, hoặc chân hoặc bụng đau chớ tôi không có đau. Vì vậy khi thân đau chúng ta vẫn thấy thanh thoi, không khổ. Nếu đau chân nói tôi đau quá, đau bụng nói tôi đau, đau chỗ nào cũng tôi hết thành ra quần quại rên la. Thấy chân đau còn tôi không đau mới là thấy chân thật.

Cái thấy chân thật ấy biết được cái đau, biết được chân đau, biết được bụng đau. Hiểu như vậy thì trong cuộc sống này chúng ta đã làm chủ được phần nào. Ngược lại, chúng ta cứ đồng hóa giận thì tôi giận, đau thì tôi đau..., cứ đồng hóa như thế thì chúng ta không làm sao điều khiển được chúng, không làm sao đuổi chúng được. Thế nên người tu phải sáng suốt, nhận cho thật kỹ, khi gặp bệnh hoạn mới có thể làm chủ.

Ngày xưa khi các vị Thiên sư bị bệnh, có người hỏi: Hòa thượng bệnh, có cái chẳng bệnh chẳng?

Các Ngài đáp: Có.

Hỏi: Cái gì không bệnh?

Các Ngài nói: Ui da! Ui da!

Cái biết rên đó, cái ấy không bệnh. Như vậy để thấy rằng các Ngài không đồng hóa như chúng ta. Do chúng ta lầm lẫn nên từ đó sanh ra những chướng ngại khác. Tôi dẫn bài kệ của một Thiền sư đời Trần, tức vua Trần Nhân Tông. Lúc Ngài giao ngôi lại cho con lên làm Thái Thượng Hoàng, cố vấn cho nhà vua cai trị đất nước. Thời gian này Ngài làm bài phú "Cư trần lạc đạo", tức bài phú nói ở trong cõi đời mà vui với đạo. Kết thúc bài phú đó có bốn câu thơ chữ Hán như thế này:

Cư trần lạc đạo thả tùy duyên

Cơ tác xan hề khốn tắc miên

Gia trung hữu bảo hựu tầm mich

Đối cảnh vô tâm mạc vấn Thiền.

Tạm dịch:

Ở đời vui đạo hãy tùy duyên

Đối đến thì ăn mệt ngủ liền

Trong nhà có báu thôi tìm kiếm

Đối cảnh không tâm chớ hỏi Thiền.

Tôi giải thích từng câu ở đời vui đạo hãy tùy duyên, người ở trong cuộc đời thế tục mà luôn luôn vui với đạo thì phải khéo tùy duyên. Khéo là sao? Đối đến thì ăn mệt ngủ liền, khéo tùy duyên là như thế. Nhưng câu đó nhiều người hiểu lầm lắm. Giới tu sĩ trẻ nghe nói thế thích lắm. Tu khỏe quá, có gì nhọc nhằn đâu. Đối ăn, mệt ngủ thật sướng. Có một Thiền sư tu ở trên núi, khi gặp người hỏi Hòa thượng tu hành thế nào, Ngài đáp "đối ăn, mệt ngủ". Vị cư sĩ ấy nói đối ăn, mệt ngủ thì dễ quá, tôi cũng đối ăn, mệt ngủ, vậy Hòa thượng có gì hơn tôi đâu? Ngài đáp: Nói đối ăn, mệt ngủ nhưng người đời đối không chịu ăn, mệt không chịu ngủ.

Chúng ta có như vậy không? Như hôm nào đi làm về có cơm nóng, canh nóng đang hoàng thì ngồi ăn vui. Hôm nào về mệt mà gặp cơm nguội, thức ăn nguội nữa thì dần mậm, xán chén một hồi rồi mới ăn. Đó là nói trường hợp nguội lạnh, chưa kể những vị quen ăn ớt, ăn cay. Tới bữa ăn nếu gặp món hơi tanh lại không có ớt thì sao? Phải chờ kiếm ớt rồi mới ăn. Như vậy đối có chịu ăn đâu?

Rồi đến ngủ. Ngài nói người đời mệt mà không chịu ngủ lại suy nghĩ cả trăm việc. Cứ nằm lăn qua lộn

lại, nhớ chuyện nằm trên, nằm dưới hoài không chịu ngủ. Như vậy mệt có chịu ngủ đâu. Đó là người đời đối không chịu ăn, mệt không chịu ngủ. Mà đối không chịu ăn, mệt không chịu ngủ là chưa biết tùy duyên. Tùy duyên là đối đến thì ăn, mệt đến thì ngủ, không có suy gẫm gì cả. Nếu được tùy duyên thì ở trong đời mà vui với đạo. Người không khéo tùy duyên sẽ thấy trong đời khó tu quá, chuyện này chuyện kia phiền hà. Người khéo tu thấy không khó, việc gì đến thì tùy duyên, giải quyết liền, không phải bận tâm lo lắng suy gẫm hay sợ sệt gì cả.

Hai câu ấy mới nghe dễ như trở bàn tay nhưng xét kỹ không phải dễ đâu. Đến câu thứ ba trong nhà có báu thôi tìm kiếm, mỗi người chúng ta đều có sẵn hòn ngọc quý bên trong, đừng tìm kiếm đâu xa. Thường Phật tử chúng ta có bệnh đi tìm Phật bên ngoài. Giả sử trên núi có hòn đá nào na ná tượng Phật thì tìm đến lay lê mê, hoặc có gò mối nào na ná giống hình người cũng hô toáng lên là Phật, rồi áp nhau lay. Tìm Phật như thế biết bao giờ mới gặp Phật. Chúng ta tu, đừng bao giờ lệ thuộc những hình ảnh hư ảo đó, vì nó chỉ là sự tưởng tượng. Tôi đã từng đi núi, cũng từng vô những hang động. Trong hang có những cục đá na ná đức Quan Âm thì người ta cho rằng đức Quan Âm hiện về rồi ráp nhau lay. Thật ra đó là chỉ do sự tưởng tượng vậy thôi, có thật đâu. Chính ông Phật ngay nơi mình lại không nhớ, không biết. Khi sáu căn không dính sáu trần là Phật tánh hiển lộ rồi. Phật ngay nơi ta lại không chịu tìm, cứ lo tìm trên núi trên non, trong hang trong động nên suốt đời cứ chạy ngược chạy xuôi, rốt lại khổ vẫn hoàn khổ. Bởi vì chúng ta đã quên mất của báu trong nhà thì tìm kiếm bên ngoài cách mấy cũng không có được. Đó là một lầm lẫn lớn của hàng Phật tử chúng ta.

Câu chót đối cảnh không tâm chớ hỏi Thiền, sáu căn đối với sáu trần không có dính mắc. Không tâm tức là không có các niệm, không suy nghĩ dính mắc. Đó là Thiền rồi. Chúng ta ngồi thiền một giờ, hai giờ thấy đau chân, chớ còn tất cả giờ, những gì ở ngoài đến đều không dính, không mắc thì dễ quá. Thấy hình sắc không dính hình sắc, nghe âm thanh không dính âm thanh v. v. . . . Đó là chúng ta đang tu Thiền, như vậy thành thời biết mấy. Nhưng vì chúng ta cứ thấy thì dính, nghe thì nhiễm nên bắt buộc phải ngồi Thiền, xếp chân ngó xuống cho bớt nghe, bớt thấy, gỡ lần lần như vậy. Nếu được đối cảnh vô tâm thì khỏi ngồi, ở đâu cũng Thiền hết. Người biết tu thì mọi việc rất dễ dàng, rất thuận lợi, còn không biết tu thì thấy khổ, thấy khó.

Có nhiều vị tu rất đáng thương. Như nghe nói ăn chay là tu nên bắt đầu ăn chay nhưng không đủ phương tiện thành ra xanh xao, khổ sở. Lại nghe người ta quờ ăn chay ốm quá, từ đó sanh buồn nhưng không dám bỏ ăn chay, sợ mất công đức. Do ức chế như vậy nên ai nói động tới liền giận, ai

chọc tới liền phiền. Cứ giận phiền hoài thì ăn chay có lợi ích gì? Đó chỉ là giới ăn chay thôi chứ không giới tu. Tu là đừng dính nhiễm, nghe khen chẳng vội mừng, nghe chê không vội giận, thấy đẹp đừng ưa thích, thấy xấu đừng ghét bỏ v. v... Tất cả sáu căn không dính nhiễm sáu trần, đó là tu kỹ, tu đúng. Nếu còn dễ dính nhiễm thì chúng ta tu chưa đúng, chưa kỹ. Nhiều người vì việc ăn chay của mình nên khi đến nhà ai cảm đôi đũa người hơi tanh liền buông đũa lắc đầu. Đó là còn chấp hơn thiên hạ nữa.

Đạo Phật không đặt ăn chay là trên hết, như các sư Nguyên thủy đi khất thực, Phật tử cho gì nhận nấy chứ đâu có chê khen. Còn người tu kỹ quá, đũa hơi hôi cũng chê. Đó là những điểm không khéo, chỉ chuộng về hình thức, không phải tu ngay trong tâm tánh của mình. Tăng Ni chúng ta được phúc duyên lớn, nên ngày nay biết thức tỉnh vào chùa tu, bỏ hết triền phược của thế gian để cầu giải thoát. Vì vậy cần phải nắm cho vững, hiểu cho thấu đáo lời dạy của Phật, Tổ để ứng dụng vào đời tu của mình, như vậy mới không uổng phí cuộc đời. Ngược lại chúng ta tu để mà tu chứ không biết gì hết thì chỉ uổng một đời, không đi tới đâu cả.

Người xuất gia cần phải tu tiến mới có thể dạy cho hàng cư sĩ tu được. Nếu người xuất gia tu không ra gì thì dạy Phật tử tu cũng không ra gì. Đó là mối họa lớn. Mong rằng tất cả Tăng Ni hãy ý thức được điều đó, nỗ lực tu hành, đủ tài đức mai kia dẫn dắt Phật tử đi đúng đường. Đó là biết lợi mình, lợi người hay tự giác giác tha, giác hạnh viên mãn. Có thể mới xứng đáng dự vào hàng Thích tử của Như Lai.